

**BẢN TỔNG HỢP TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý, PHẢN BIỆN XÃ HỘI
ĐỐI VỚI DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 76/2019/NĐ-CP
NGÀY 08/10/2019 CỦA CHÍNH PHỦ VỀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI
LAO ĐỘNG VÀ NGƯỜI HƯỞNG LƯƠNG TRONG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG CÔNG TÁC Ở VÙNG CÓ ĐIỀU
KIỆN KINH TẾ - XÃ HỘI ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN**

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cơ quan chủ trì soạn thảo đã tổ chức lấy ý kiến, phản biện xã hội đối với hồ sơ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

1. Tổng số cơ quan, tổ chức đã gửi xin ý kiến, tham vấn/góp ý, phản biện xã hội và tổng số ý kiến nhận được.

1.1. Bộ, cơ quan ngang Bộ: 14 Bộ, cơ quan ngang Bộ đã có ý kiến (bao gồm ý kiến của các đơn vị thuộc Bộ Nội vụ).

1.2. Các địa phương (UBND cấp tỉnh): 32 địa phương đã có ý kiến.

1.3. Các cơ quan ở Trung ương và các đoàn thể - xã hội: 12 cơ quan đã có ý kiến.

1.4. Ý kiến sau khi đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ nhận được: 02 ý kiến.

1.5. Các cơ quan cơ bản nhất trí với việc ban hành và nội dung dự thảo Nghị định; một số cơ quan góp ý (*nội dung chi tiết tiếp thu, giải trình tại điểm 2 của Bản tổng hợp này*). Bên cạnh đó, Bộ Nội vụ đã tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Nghị định đối với những ý kiến góp ý về kỹ thuật soạn thảo, trình bày, biên tập, chính tả, kỹ thuật viện dẫn các văn bản có liên quan,...

2. Kết quả tổng hợp cụ thể như sau:

STT	CHỦ THỂ (góp ý)	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
A	VẤN ĐỀ CHUNG		
I	Hồ sơ dự thảo		
	Bộ Công an	Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, chỉnh lý dự thảo Tờ trình Chính phủ theo Mẫu số 2 Phụ Lục IV và dự thảo Nghị định theo Mẫu số 23 Phụ lục III Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.	Bộ Nội vụ tiếp thu ý kiến để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Tờ trình Chính phủ và dự thảo Nghị định theo quy định của Nghị định số 187/2025/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 187/2025/NĐ-CP).
	Tỉnh Hà Tĩnh	Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu sửa đổi thể thức trình bày dự thảo đảm bảo đúng kỹ thuật theo quy định tại biểu mẫu số 25, Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.	
	Tỉnh Cao Bằng	Tại dự thảo Tờ trình đề nghị cơ quan soạn thảo sửa thành: " <i>Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ</i> " đảm bảo theo quy định, tránh gây hiểu nhầm. Đề nghị bỏ dấu gạch ngang dưới tên dự thảo Nghị định để đảm bảo phù hợp với quy định tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ. Đề nghị cơ quan soạn thảo chỉnh sửa về thể thức, kỹ thuật trình bày, để phù hợp với quy định tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ.	
	Bộ Công thương	Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.	Bộ Nội vụ tiếp thu ý kiến để tiếp tục chỉnh lý hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị định theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.
	Vụ Pháp chế	a) Đề nghị chuẩn bị đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP. b) Về Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo Nghị định đề nghị rà soát chỉ so sánh, thuyết minh nội dung sửa đổi, bổ sung.	

STT	CHỦ THỂ (góp ý)	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Bộ Tư pháp	Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tổng kết toàn diện kết quả thực hiện Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xác định khó khăn, vướng mắc (nếu có) (xác định do quy định của pháp luật hay tổ chức thực hiện), đề xuất giải pháp phù hợp, khả thi.	Bộ Nội vụ tiếp thu ý kiến của Bộ Tài chính để hoàn thiện dự thảo Báo cáo tình hình thực hiện chính sách quy định tại Nghị định số 76/2019/NĐ-CP,
	Bộ Tài chính	Đề nghị nghiên cứu một số nội dung sau: - Đánh giá tổng thể tình hình triển khai Nghị định số 76/2019/NĐ-CP, trong đó báo cáo, đánh giá cụ thể các bất cập, khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực tiễn. - Nghiên cứu đề xuất, sửa đổi điều chỉnh chính sách phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, chủ trương sắp xếp thôn, tổ dân phố đang được triển khai, rà soát tháo gỡ các khó khăn vướng mắc về đối tượng, chế độ, chính sách, phạm vi địa bàn áp dụng. - Đánh giá tác động của việc sửa đổi Nghị định số 76/2019/NĐ-CP, trong đó có tác động nguồn lực ngân sách nhà nước (nguồn kinh phí triển khai, khả năng cân đối ngân sách trung ương, ngân sách địa phương); đề xuất giải pháp, nguồn lực thực hiện, đảm bảo nguyên tắc: (i) Trong quá trình xây dựng đề án và chính sách, phải đánh giá đầy đủ về nguồn lực thực hiện, phù hợp với Kế hoạch tài chính 5 năm để đảm bảo khả thi và an ninh, an toàn tài chính quốc gia (Nghị quyết số 122/NQ-CP ngày 06/5/2026 về Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 4/2026); (ii) Chỉ ban hành chính sách, chế độ khi đã rà soát tính cần thiết, hiệu lực, hiệu quả, không trùng lặp, có lộ trình triển khai rõ ràng, dự kiến được kết quả thực hiện và trong phạm vi nguồn lực ngân sách nhà nước đã được cơ quan tài chính cân đối, có ý kiến (Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 12/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2027).	trong đó có đánh giá cụ thể sự bất cập, khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện. Đồng thời, để sớm triển khai chính sách đối với vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt, Bộ Nội vụ xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung tập trung quy định một số nội dung như phạm vi địa bàn áp dụng, hoàn thiện đối tượng áp dụng, bổ sung quy định đối với vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn khi có sự thay đổi để hoàn thiện quy định pháp luật, không để

STT	CHỦ THỂ (góp ý)	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			khoảng trống của pháp luật, đảm bảo chính sách được thực hiện liên tục, không bị đứt đoạn, phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, pháp luật hiện hành và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; ngoài ra, có dự kiến nguồn lực thực hiện như đề nghị của Bộ Tài chính.
	Bộ Ngoại giao	Đề nghị nghiên cứu bổ sung bản rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, các văn bản quy phạm pháp luật và điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Nghị định để bảo đảm đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định.	Bộ Nội vụ tiếp thu tiếp tục rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, các văn bản quy phạm pháp luật và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.
	Ban sách, lược Chính chiến Trung ương	Đề nghị xem xét, rà soát nghiên cứu bảo đảm nội dung dự thảo Nghị định theo đúng chủ trương, định hướng của Đảng về chính sách tiền lương, thưởng, phụ cấp, ... trong đó trọng tâm là ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư tại văn bản số 3426-CV/VPTW ngày 30/6/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp, đề nghị bám sát chỉ đạo của Bộ Chính trị trong thời gian tới khi tổ chức sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết này. Trường hợp dự thảo Nghị định có nội dung không phù hợp với định hướng, chủ trương của Đảng về	Bộ Nội vụ giải trình như sau: Việc trình Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 76/2019/NĐ-CP nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá

STT	CHỦ THỂ (góp ý)	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		tiền lương, thưởng, phụ cấp, ... cần có báo cáo, giải trình rõ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. - Báo cáo kết quả thực hiện Nghị định số 76/2019/NĐ-CP cần làm rõ nhưng khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện (trong báo cáo mục II không đưa ra hạn chế nhưng lại chỉ ra nguyên nhân của hạn chế.	trình thực hiện chính sách và mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, bảo đảm phù hợp với quy định của Đảng và của pháp luật; không sửa đổi chế độ, chính sách quy định tại Nghị định số 76/2019/NĐ-CP. Bộ Nội vụ tiếp thu ý kiến của Ban Chính sách, chiến lược TW để hoàn thiện nội dung Báo cáo thực hiện Nghị định số 76/2019/NĐ-CP.
	Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương	Tại Bản so sánh thuyết minh: - Tại Điều 1 bổ sung quy định về chuyển tiếp chính sách đối với địa bàn thay đổi do sắp xếp đơn vị hành chính giai đoạn 2025 – 2026; bảo đảm không làm gián đoạn quyền lợi của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. - Tại Điều 10 cân nhắc, bổ sung một số nội dung liên quan đến cung cấp, hỗ trợ trang thiết bị cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, nhằm triển khai hiệu quả, đồng bộ tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.	- Bộ Nội vụ tiếp thu ý kiến để bổ sung nội dung do sắp xếp, thay đổi, chuyển đổi đơn vị hành chính trong dự thảo Nghị định. - Bộ Nội vụ đề nghị giữ nguyên quy định hiện hành; không bổ sung nội dung quy

STT	CHỦ THỂ (góp ý)	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		- Điều 11 và Điều 13, nên cân nhắc bổ sung đối với đối tượng có tính chất đặc thù, chuyên ngành trong lĩnh vực văn hóa, văn học, nghệ thuật: “còn tuổi công tác, nhưng không thể tham gia hoạt động biểu diễn; một số lĩnh vực giới hạn về độ tuổi, phải sang công tác giảng dạy hoặc chuyên môn khác”. - Điều 15 bổ sung việc khuyến khích ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý, chi trả chế độ; kết nối cơ sở dữ liệu dân cư, dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức nhằm bảo đảm chính xác, minh bạch. - Điều 16 bổ sung quy định chuyển tiếp đối với các trường hợp phát sinh từ ngày 01/7/2025 đến trước ngày nghị định có hiệu lực để bảo đảm thống nhất thực hiện trên toàn quốc.	định cung cấp, hỗ trợ trang thiết bị. - Bộ Nội vụ đề nghị giữ nguyên quy định tại Điều 11 và Điều 13 Nghị định số 76/2019/NĐ-CP. - Bộ Nội vụ đề nghị giữ nguyên như quy định hiện hành; việc ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý, chi trả do Bộ, cơ quan Trung ương và địa phương chủ động triển khai cho phù hợp với thực tế. - Bộ Nội vụ giải trình như sau: Trường hợp phát sinh (do sắp xếp) từ 01/7/2025 đến ngày 31/12/2025 thực hiện theo đúng quy định tại Điều 13 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15.
	Thanh tra Chính phủ	Tại Bảng thuyết minh, so sánh dự thảo Nghị định: Khi thuyết minh, so sánh giữa Điều 6 Nghị định số 76/2019/NĐ-CP (trợ cấp lần đầu) với quy định tại dự thảo Nghị định và dự thảo Báo cáo (chính sách này không quy định giới hạn về thời gian đến công tác nên dẫn đến sự không công bằng trong việc hưởng chế độ giữa đối tượng	Bộ Nội vụ tiếp thu ý kiến đề rà soát, nghiên cứu chỉnh lý nội dung Hồ sơ dự thảo, bảo

STT	CHỦ THỂ (góp ý)	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		đến công tác lâu dài so với đối tượng biệt phái, tăng cường ngắn hạn vẫn được hưởng như sau). Đây thể hiện quy định pháp luật còn có vướng mắc khi áp dụng trên thực tiễn, do đó cần phải sửa đổi để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc. Tuy nhiên, dự thảo Bảng thuyết minh lại đề xuất giữ nguyên, không sửa đổi. Đề nghị bổ sung nội dung thuyết minh, so sánh việc sửa đổi hay giữ nguyên tại Điều 7 Nghị định số 76/2019/NĐ-CP trong Bảng thuyết minh.	đảm đầy đủ, rõ ràng, thống nhất, phù hợp với quy định hiện hành. Trường hợp bổ sung điều kiện thời gian công tác tối thiểu để hưởng trợ cấp lần đầu cũng sẽ phát sinh so sánh, so bì và ảnh hưởng đến việc thu hút, điều động, luân chuyển, biệt phái đối tượng đến công tác ở vùng đặc biệt khó khăn.
B	DỰ THẢO TỜ TRÌNH		
	Bộ Khoa học và Công nghệ	Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung nội dung đánh giá về “ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số” tại dự thảo Tờ trình để bảo đảm đầy đủ nội dung theo quy định.	Bộ Nội vụ giải trình như sau: Về “ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số” đã được rà soát, báo cáo trong Bản đánh giá thủ tục hành chính.
	Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương	- Về mục đích ban hành: Bổ sung việc tăng cường ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý, theo dõi, xác nhận thời gian công tác và chi trả chính sách; bảo đảm công khai, minh bạch, giảm thủ tục hành chính.	

STT	CHỦ THỂ (góp ý)	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương	1. Về cơ sở thực tiễn: - Cần làm rõ việc chuyển đổi mô hình chính quyền địa phương 02 cấp đã làm thay đổi căn cứ xác định địa bàn đặc biệt khó khăn và cơ quan có thẩm quyền quản lý đối tượng hưởng chính sách. Quá trình sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025 phát sinh nhiều trường hợp cần có cơ chế chuyển tiếp để bảo đảm quyền lợi của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.	Bộ Nội vụ giải trình như sau: - Căn cứ (tiêu chí) xác định địa bàn đặc biệt khó khăn theo quy định tại Nghị định số 272/2025/NĐ-CP. Về thẩm quyền quản lý đối tượng hưởng chính sách không thay đổi, cụ thể: Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động ở địa phương thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh; ở Trung ương thuộc thẩm quyền quản lý của các Bộ, ngành Trung ương. Việc thực hiện chính sách trong thời gian từ 01/7/2025 đến 31/12/2025 (do sắp xếp) theo quy định tại Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15; từ 01/01/2026 trở đi đã được đưa vào quy định

STT	CHỦ THỂ (góp ý)	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		- Cần thống nhất nội dung trong dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị định, cụ thể: Mục I.2.a trong dự thảo Tờ trình nêu vướng mắc “phụ cấp công tác lâu năm; trợ cấp lần đầu; trợ cấp một lần; thời gian tính hưởng”, nhưng trong dự thảo Nghị định lại không có quy định về các chính sách này. - Cần làm rõ hơn tác động của dự thảo Nghị định đối với ngân sách nhà nước và biên chế, nhất là tác động từ việc điều chỉnh địa bàn, đối tượng áp dụng và quy định chuyển tiếp; đồng thời, bổ sung số liệu, căn cứ đánh giá để bảo đảm tính thuyết phục và khả thi chính sách.	trong dự thảo Nghị định. - Bộ Nội vụ tiếp thu chỉnh lý nội dung cho thống nhất giữa dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị định. - Địa bàn áp dụng: Đặc khu Trường Sa, Hoàng Sa và DK1; xã khu vực III và thôn đặc biệt khó khăn theo quy định tại Nghị định số 272/2025/NĐ-CP; không bổ sung đối tượng áp dụng mà là quy định rõ một số đối tượng áp dụng, bảo đảm đúng với quy định của pháp luật hiện hành và có dự kiến nguồn lực thực hiện (ngân sách nhà nước) do tăng địa bàn áp dụng. Bộ Nội vụ tiếp thu ý kiến để chỉnh lý nội dung dự thảo Tờ trình.

STT	CHỦ THỂ (góp ý)	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
C	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH		
I	Phạm vi điều chỉnh (vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn)		
	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Đề nghị nghiên cứu sửa đổi theo hướng gộp điểm a và điểm b khoản 1 Điều 1 thành 1 điểm cụ thể như sau: “a) Xã, phường, đặc khu có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo danh mục do cơ quan có thẩm quyền quy định”. Lý do: Quy định theo hướng khái quát, thống nhất đối với các đơn vị hành chính có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bảo đảm tính ổn định của văn bản và phù hợp với quá trình sắp xếp đơn vị hành chính hiện nay (tương tự như tại điểm c khoản 1 Điều 1 của dự thảo Nghị định, bảo đảm tính thống nhất trong kỹ thuật xây dựng văn bản). Trường hợp cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh danh mục hoặc thay đổi tên gọi, loại hình đơn vị hành chính thì không phải sửa đổi, bổ sung Nghị định	Bộ Nội vụ đề nghị giữ nguyên như dự thảo Nghị định, với lý do: Đặc khu Trường Sa, Hoàng Sa và DK1 là địa bàn đặc thù riêng, còn địa bàn phường không thể thuộc xã khu vực III (xã đặc biệt khó khăn).
	Bộ Xây dựng	Tại điểm c sửa đổi bổ sung khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị định: đề nghị bỏ ba chữ “...” thay bằng cụm từ “ <i>tương đương</i> ”, để bảo đảm tính rõ ràng, chặt chẽ của văn bản quy phạm pháp luật, đồng thời thống nhất với quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 272/2025/NĐ-CP1 và thuận lợi khi áp dụng.	Bộ Nội vụ tiếp thu rà soát, nghiên cứu đề chỉnh lý nội dung theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.
	Bộ Công thương	Đề nghị liên kê đầy đủ, không dùng dấu “...” trong văn bản quy phạm pháp luật.	
	Tỉnh Hà Tĩnh	Tại điểm c, khoản 1, Điều 1 dự thảo quy định: “ <i>c) Các thôn, bản, làng, phum, sóc, ấp, ... đặc biệt khó khăn (sau đây gọi chung là thôn đặc biệt khó khăn) theo quyết định của cấp có thẩm quyền</i> ”. Tuy vậy, để đảm bảo tính chính xác của văn bản quy phạm pháp luật, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, điều chỉnh, viết lại như sau: “ <i>c) Các thôn, bản, làng, phum, sóc, ấp và tương đương đặc biệt khó khăn (sau đây gọi chung là thôn đặc biệt khó khăn) theo quyết định của cấp có thẩm quyền</i> ”	
	Tỉnh Gia Lai	1. Tại điểm b khoản 1 Điều 1 dự thảo quy định “ <i>Các xã khu vực III (xã đặc biệt khó khăn) theo quyết định của cấp có thẩm quyền</i> ”. Đề nghị bổ sung cụm từ “ <i>chưa được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới</i> ” vào sau cụm từ “ <i>Các xã khu vực III (xã đặc biệt khó khăn)</i> ” tại Điểm b Khoản 1 Điều 1 của dự thảo và viết lại	Bộ Nội vụ tiếp thu đề chỉnh lý bổ sung quy định về việc áp dụng và thôi áp dụng chính

STT	CHỦ THỂ (góp ý)	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		thành “các xã khu vực III (xã đặc biệt khó khăn chưa được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới)”. Lý do: Theo quy định hiện hành về Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chí về hạ tầng kinh tế - xã hội, thu nhập, giảm nghèo, giáo dục, y tế, văn hóa, môi trường, quốc phòng và an ninh; theo đó, việc một xã đạt nông thôn mới đồng nghĩa với việc hạ tầng và đời sống đã cải thiện đáng kể, không còn đáp ứng tiêu chí “đặc biệt khó khăn”. Do đó, cần có quy định bổ sung điều kiện khi xã đạt chuẩn nông thôn mới thì người đang công tác tại các xã này sẽ thôi hưởng các phụ cấp đặc thù (thu hút, lâu năm...) để đảm bảo tính công bằng và hiệu quả ngân sách. 2. Đề nghị xem xét bổ sung cụ thể đối tượng “xã đảo” vào phạm vi điều chỉnh của Nghị định hoặc xem xét bổ sung quy định riêng đối với xã đảo. Lý do: Xã đảo có đặc thù về địa lý, giao thông cách trở, điều kiện tiếp cận các dịch vụ công, y tế, giáo dục và thu hút nguồn nhân lực, chi phí sinh hoạt và vận chuyển cao (như trợ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt và sạch quy định tại Điều 1 Nghị định 76) cần quy định để đảm bảo quyền lợi cho người đang công tác tại các xã đảo hiện nay.	sách trong dự thảo Nghị định đối với xã khu vực III được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; thôn đặc biệt khó khăn thuộc xã khu vực III được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; và cả việc chuyển đổi từ nông thôn lên đô thị (từ xã thành phường) Dự thảo Nghị định được chỉnh lý, bổ sung địa bàn áp dụng “xã đảo đặc biệt khó khăn” theo quyết định của cấp có thẩm quyền để tránh bỏ sót địa bàn áp dụng, khi Chính phủ ban hành tiêu chí quy định xã đảo đặc biệt khó khăn. Bỏ nội dung quy định tại điểm d khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị định đã lấy ý kiến để tránh phát sinh kinh phí và phù hợp với quy
	Tỉnh Lào Cai	Tại điểm a khoản 1 Điều 1 dự thảo quy định: Vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn bao gồm: “a) <i>Đặc khu Trường Sa, Hoàng Sa và DK1.</i>” Tuy nhiên theo quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 1 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 quy định: Đơn vị hành chính cấp xã gồm “<i>Xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh</i>”; đồng thời “<i>đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt do Quốc hội quyết định thành lập</i>”. Như vậy, hệ thống đơn vị hành chính hoàn toàn có thể tiếp tục phát sinh thêm các đặc khu mới tại các địa bàn khó khăn ngoài Trường Sa và Hoàng Sa. Do đó đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, chỉnh sửa nội dung trên theo hướng: “a) <i>Đặc khu Trường Sa, Hoàng Sa, DK1 và các đặc khu khác có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền</i>” để bảo đảm tính	

STT	CHỦ THỂ (góp ý)	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		bao quát của pháp luật, tránh tình trạng quy định bị lạc hậu hoặc phải tiếp tục sửa Nghị định khi Quốc hội thành lập một đơn vị hành chính đặc khu mới.	định của pháp luật hiện hành (Nghị quyết số
	Bộ Tư pháp	Dự thảo Nghị định quy định: “<i>Trường hợp có sự thay đổi địa giới hành chính (do sắp xếp, chia tách, sáp nhập, hợp nhất, đổi tên) đối với địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì giữ nguyên phạm vi địa bàn để tiếp tục hưởng chính sách cho đến khi có quyết định mới của cấp có thẩm quyền</i>” (điểm d khoản 2 Điều 1 Nghị định số 76/2019/NĐ-CP dự kiến bổ sung). Quy định này chưa thực sự minh bạch, rõ ràng; việc quy định “giữ nguyên phạm vi địa bàn” được hiểu như thế nào? Do đó, nội dung này cần được rà soát, chỉnh lý cho phù hợp; có thể cân nhắc chỉnh lý theo hướng, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người hưởng lương trong lực lượng vũ trang trên địa bàn đơn vị hành chính sau sắp xếp tiếp tục hưởng chính sách tại Nghị định này theo đơn vị hành chính như trước khi thực hiện thay đổi cho đến khi có quyết định khác của cấp có thẩm quyền. Ngoài ra, đây là quy định về điều khoản chuyển tiếp, vì vậy cần chỉnh lý quy định này tại điều khoản chuyển tiếp và không quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 76/2019/NĐ-CP, đảm bảo thống nhất tên và nội dung điều luật.	76/2025/UBTVQH15 và Nghị định số 204/2004/NĐ-CP). Vấn đề cụm từ nội hàm “đến công tác” mà TP Cần Thơ nêu vẫn còn vướng mắc sẽ được hướng dẫn quy định tại khoản 1 Điều 6 dự thảo Nghị định.
	Bộ Tài chính	Dự thảo Nghị định đang quy định điều khoản chuyển tiếp cũng có thể sẽ làm phát sinh kinh phí ngân sách nhà nước chi trả chính sách, chế độ, cụ thể: “ <i>Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang đến công tác tại địa bàn cấp xã mới (sau sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính) trong khoảng thời gian từ ngày 01/7/2025 đến ngày 31/12/2025 mà nơi làm việc thường xuyên tại trụ sở cơ quan, tổ chức, đơn vị đóng trên địa bàn các thôn thuộc danh sách xã khu vực III vùng DTTS&MN giai đoạn 2021 – 2025 và xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải 2 đảo giai đoạn 2021 – 2025 (xã chưa được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới) theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; thôn ĐBKK vùng DTTS&MN giai đoạn 2021 – 2025 theo Quyết định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc (nay là Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo) thì thuộc diện được hưởng chính sách quy định tại Nghị định số 76/2019/NĐ-CP</i> ”.	

STT	CHỦ THỂ (góp ý)	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội	Đề nghị Bộ Nội vụ tiếp tục rà soát, hoàn thiện dự thảo Nghị định theo hướng bảo đảm không làm giảm quyền, lợi ích hợp pháp của cán bộ, công chức, người lao động và lực lượng vũ trang đang công tác tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn do thay đổi đơn vị hành chính, bảo đảm tính liên tục, ổn định của chính sách trong giai đoạn sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính. Ngoài ra, trong dự thảo Nghị định cần quy định rõ cơ chế chuyển tiếp, tránh phát sinh cách hiểu khác nhau giữa các địa phương trong quá trình thực hiện.	
	Vụ Chính quyền địa phương	Đối với quy định “giữ nguyên phạm vi địa bàn đặc biệt khó khăn” trong trường hợp thay đổi địa giới hành chính do sắp xếp, chia tách, sáp nhập, hợp nhất hoặc đổi tên ĐVHC (điểm d khoản 2 Điều 1) đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, rà soát và hoàn thiện một số nội dung sau: (1) Đề nghị thống nhất thuật ngữ “trong trường hợp thay đổi địa giới hành chính do thành lập, nhập, chia ĐVHC, điều chỉnh địa giới và đổi tên ĐVHC” để phù hợp với quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 và các Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. (2) Dự thảo Nghị định đang quy định chung đối với các trường hợp đổi tên, chia tách, sáp nhập. Tuy nhiên, các trường hợp này có tính chất và mức độ tác động khác nhau. Đối với trường hợp chỉ thay đổi tên gọi ĐVHC mà không thay đổi địa giới hành chính thì thực tế không làm phát sinh vướng mắc trong việc xác định địa bàn hưởng chính sách. Do đó, đề nghị nghiên cứu tách bạch trường hợp đổi tên ĐVHC với các trường hợp thay đổi địa giới hành chính để bảo đảm rõ ràng hơn trong áp dụng. (3) Đối với trường hợp ĐVHC mới được hình thành từ việc sáp nhập giữa địa bàn đặc biệt khó khăn và địa bàn không thuộc diện đặc biệt khó khăn, dự thảo chưa làm rõ việc “giữ nguyên phạm vi địa bàn” được xác định đối với toàn bộ ĐVHC mới hay chỉ đối với phần địa bàn thuộc ĐVHC đặc biệt khó khăn trước khi sắp xếp. Bên cạnh đó, dự thảo cũng chưa quy định rõ đối với trường hợp chia tách một ĐVHC đặc biệt khó khăn thành nhiều ĐVHC mới hoặc trường hợp điều chỉnh một phần địa giới của địa bàn đặc biệt khó khăn sang ĐVHC khác thì phần địa bàn được	

STT	CHỦ THỂ (góp ý)	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		chia tách, điều chỉnh có tiếp tục được xác định là địa bàn đặc biệt khó khăn để áp dụng chính sách hay không. Đề nghị rà soát thêm đối với trường hợp thay đổi loại hình ĐVHC sau khi sắp xếp ĐVHC và thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp <i>như trường hợp xã đặc biệt khó khăn được chuyển thành phường hoặc đặc khu</i>, để xác định rõ việc tiếp tục áp dụng chính sách trong thời gian chờ cấp có thẩm quyền ban hành quyết định mới về địa bàn đặc biệt khó khăn.	
	TP Cần Thơ	Tại khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị định về quy định chuyển tiếp đối với các trường hợp đến công tác tại địa bàn cấp xã mới trong thời gian từ ngày 01/7/2025 đến ngày 31/12/2025. Cụ thể, đề nghị làm rõ nội hàm cụm từ “đến công tác”, bao gồm các trường hợp tuyển dụng, tiếp nhận, điều động, luân chuyển, biệt phái, phân công, bố trí lại do sắp xếp tổ chức bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính. Đồng thời, đề nghị quy định rõ thời điểm bắt đầu tính hưởng chính sách, việc truy lĩnh chế độ nếu có, cách tính thời gian thực tế làm việc trong giai đoạn chuyển tiếp và nguyên tắc không chi trả trùng lặp đối với trợ cấp lần đầu. Việc bổ sung, làm rõ nội dung nêu trên là cần thiết nhằm tạo cơ sở pháp lý thống nhất để địa phương giải quyết các chế độ, chính sách phát sinh sau sắp xếp đơn vị hành chính, nhất là phụ cấp thu hút, phụ cấp công tác lâu năm, trợ cấp lần đầu và trợ cấp một lần khi chuyển công tác ra khỏi vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc khi nghỉ hưu.	
	Tỉnh Hà Tĩnh	Tại điểm d, khoản 1 Điều 1 dự thảo quy định: “<i>Trường hợp có sự thay đổi địa giới hành chính (do sắp xếp, chia tách, sáp nhập, hợp nhất, đổi tên) đối với địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì giữ nguyên phạm vi địa bàn để tiếp tục hưởng chính sách cho đến khi có quyết định mới của cấp có thẩm quyền</i>”. Tuy nhiên, nội dung “giữ nguyên phạm vi địa bàn” đang có nhiều cách hiểu khác nhau, cụ thể là chỉ phạm vi địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trước khi thực hiện việc sắp xếp đơn vị hành chính được hưởng chính sách hay là toàn bộ đơn vị hành chính mới hình thành sau sắp xếp được	

STT	CHỦ THỂ (góp ý)	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		hưởng chính sách. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu điều chỉnh để đảm bảo quy định chặt chẽ hơn, viết lại như sau: “ <i>Trường hợp thay đổi địa giới đơn vị hành chính do sắp xếp đơn vị hành chính mà chưa có quyết định của cấp có thẩm quyền về xác định địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì tiếp tục áp dụng phạm vi địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trước khi sắp xếp để thực hiện các chính sách quy định tại Nghị định này</i> ”.	
	Tỉnh Sơn La	Đề nghị quy định rõ phạm vi địa bàn được tiếp tục hưởng chính sách trong trường hợp thay đổi địa giới hành chính do sắp xếp đơn vị hành chính theo hướng bảo đảm thống nhất với danh mục xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đồng thời làm rõ phạm vi áp dụng chính sách đối với các địa bàn có sự thay đổi về tên gọi, quy mô hoặc địa giới hành chính sau sắp xếp để tránh phát sinh nhiều cách hiểu khác nhau trong quá trình tổ chức thực hiện. Lý do: Thực hiện chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính, nhiều xã, thôn trên địa bàn có sự thay đổi về tên gọi, địa giới và phạm vi quản lý. Trong khi đó, dự thảo Nghị định quy định tiếp tục hưởng chính sách đối với địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn khi thay đổi địa giới hành chính. Do đó, cần làm rõ phạm vi áp dụng để bảo đảm thống nhất trong quá trình triển khai thực hiện tại các địa phương.	
	Tỉnh Nghệ An	Đề nghị nghiên cứu bổ sung hướng dẫn việc xác định địa bàn hưởng chính sách trong thời gian chuyển tiếp đối với các trường hợp xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn có thay đổi địa giới hành chính, thay đổi tên gọi hoặc sáp nhập nhiều đơn vị hành chính thành một đơn vị mới.	
	Tỉnh Lào Cai	Tại điểm d khoản 1 Điều 1 dự thảo quy định: Bổ sung “ <i>Trường hợp có sự thay đổi địa giới hành chính (do sắp xếp, chia tách, sáp nhập, hợp nhất, đổi tên) đối với địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì giữ nguyên phạm vi địa bàn để tiếp tục hưởng chính sách cho đến khi có quyết định mới của cấp có thẩm quyền</i> ”. Tuy nhiên theo quy định tại khoản 1 Điều 67 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy	

STT	CHỦ THỂ (góp ý)	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định: <i>"Quy định chuyển tiếp được quy định thành điều riêng tại phần cuối của văn bản, được đặt tên là "Điều khoản chuyển tiếp" hoặc quy định thành khoản riêng tại các điều cần phải có quy định chuyển tiếp hoặc quy định thành khoản riêng tại điều quy định về hiệu lực thi hành"</i>. Nội dung nêu trên thực chất là quy định về việc tiếp tục áp dụng chính sách đối với các địa bàn có sự thay đổi địa giới hành chính, nhằm xử lý các vấn đề phát sinh trong giai đoạn chuyển tiếp. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu chuyển nội dung này thành quy định chuyển tiếp phù hợp với quy định và rà soát, chỉnh lý lại kỹ thuật trình bày để bảo đảm tính logic, chặt chẽ của dự thảo văn bản.	
	Tỉnh Tuyên Quang	Tại khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị định, về hiệu lực thi hành: <i>"Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang đến công tác tại địa bàn cấp xã mới (sau sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính) trong khoảng thời gian từ ngày 01/7/2025 đến ngày 31/12/2025 mà cơ quan, tổ chức, đơn vị công tác đóng trên địa bàn các thôn thuộc xã khu vực III vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 và xã đảo đặc biệt khó khăn giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (xã chưa được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới); thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc (nay là Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo) thì thuộc diện được hưởng chính sách quy định tại Nghị định số 76/2019/NĐ-CP"</i>: (1) Đề nghị bổ sung, quy định làm rõ khái niệm <i>"đến công tác tại địa bàn cấp xã mới (sau sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính)"</i> được hiểu là: Tuyển dụng, tiếp nhận, điều động, luân chuyển, biệt phái hay bố trí, sắp xếp vị trí việc làm tại địa bàn cấp xã mới? Lý do đề xuất: Trong quá trình thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, nhiều cán bộ, công chức, viên chức, người lao động không thuộc các	

STT	CHỦ THỂ (góp ý)	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		trường hợp tuyển dụng, tiếp nhận, điều động, luân chuyển, biệt phái đến công tác tại địa bàn cấp xã mới mà chỉ được bố trí, sắp xếp vị trí việc làm tại cơ quan, đơn vị đang công tác. Nếu không quy định hoặc hướng dẫn cụ thể sẽ dẫn đến cách hiểu và áp dụng không thống nhất giữa các địa phương trong quá trình tổ chức thực hiện. (2) Xem xét, bổ sung quy định: <i>“Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang đến công tác tại địa bàn cấp xã mới (sau sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính) trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 mà cơ quan, tổ chức, đơn vị công tác đóng trên địa bàn các thôn không thuộc xã khu vực III vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 và xã đảo đặc biệt khó khăn giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (xã chưa được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới); thôn không thuộc thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc (nay là Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo). Từ ngày 01/01/2026 đến nay, các thôn, xã này được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo quyết định công nhận là thôn đặc biệt khó khăn và xã khu vực III thì thuộc diện được hưởng trợ cấp lần đầu khi nhận công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn quy định tại Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ”.</i> Lý do đề xuất: Ngày 31/5/2022, Bộ Nội vụ có Văn bản số 2285/BNV-TL về việc trợ cấp lần đầu tại Điều 6 Nghị định số 76/2019/NĐ-CP, trong đó có ý kiến: <i>“Tại Điều 6 Nghị định số 76/2019/NĐ-CP quy định trợ cấp lần đầu được áp dụng đối với các đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị định này khi nhận công tác lần đầu ở cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn và chỉ được nhận một lần trong quá trình công tác. Theo đó, không áp dụng trợ cấp lần đầu đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang ở địa bàn không thuộc</i>	

STT	CHỦ THỂ (góp ý)	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn, sau đó địa bàn đang công tác được cấp có thẩm quyền quyết định là vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn</i>". Tuy nhiên sau sắp xếp đơn vị hành chính, nội dung trên không còn phù hợp do có sự thay đổi lớn về địa giới hành chính (<i>sắp xếp, chia tách, sáp nhập, hợp nhất, đổi tên đối với địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn</i>). Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, bổ sung nội dung nêu trên. Xem xét, bổ sung quy định truy lĩnh phụ cấp thu hút và phụ cấp công tác lâu năm ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đối với các trường hợp nêu tại khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị định.	
	Vụ Pháp chế	Đề nghị biên tập lại điểm d tại khoản 1 như sau: "d) Trường hợp có sự thay đổi địa giới hành chính (do sắp xếp, chia tách, sáp nhập, hợp nhất, đổi tên) đối với địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì giữ nguyên phạm vi địa bàn để tiếp tục hưởng chính sách cho đến khi có quyết định mới của cấp có thẩm quyền".	
	Tỉnh Cao Bằng	Tại Điều 3 dự thảo Nghị định quy định: Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, sửa thành: "<i>Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang đến công tác tại địa bàn cấp xã mới (sau sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính) trong khoảng thời gian từ ngày 01/7/2025 đến ngày 31/12/2025 mà cơ quan, tổ chức, đơn vị công tác đóng trên địa bàn thuộc xã khu vực III vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025 và xã đảo đặc biệt khó khăn giai đoạn 2021 – 2025 theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (xã chưa được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới); thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025 theo Quyết định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc (nay là Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo) thì thuộc diện được hưởng chính sách quy định tại Nghị định số 76/2019/NĐ-CP</i>".	
	Ông Nguyễn Văn Hùng,	Xin góp ý tại khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị định như sau: "2. Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ	

STT	CHỦ THỂ (góp ý)	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Đảng ủy xã Mường Chanh, tỉnh Sơn La.	trang đến công tác tại cấp xã mới được hình thành từ việc sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 mà cấp xã mới đó sau khi được cấp có thẩm quyền phân định, công nhận thuộc xã khu vực III, xã đảo đặc biệt khó khăn hoặc có thôn đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật thì thuộc diện được hưởng các chính sách quy định tại Nghị định số 76/2019/NĐ-CP".	
	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	Tại khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị định, đề nghị Bộ Nội vụ nghiên cứu, xem xét điều chỉnh một số nội dung như sau: Căn cứ Nghị định số 272/2025/NĐ-CP, nhiều địa phương phê duyệt danh sách xã khu vực III và thôn đặc biệt khó khăn sau ngày 31/12/2025. Vì vậy, đề nghị Bộ Nội vụ nghiên cứu sửa đổi mốc thời gian “đến ngày 31/12/2025”, đảm bảo phù hợp với thực tiễn, quyền lợi cho các đối tượng thụ hưởng chính sách. Các thôn đặc biệt khó khăn thuộc xã công nhận đạt chuẩn nông thôn mới vẫn tiếp tục được thụ hưởng các chính sách áp dụng đối với thôn đặc biệt khó khăn. Vì vậy, đề nghị Bộ Nội vụ nghiên cứu, xác định địa bàn để áp dụng chính sách với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang đảm bảo theo quy định nêu trên.	Bộ Nội vụ tiếp thu ý kiến để chỉnh lý dự thảo Nghị định về mốc thời gian áp dụng cho phù hợp; chỉnh lý các thôn đặc biệt khó khăn thuộc xã công nhận đạt chuẩn nông thôn mới vẫn thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và tiếp tục được áp dụng chính sách theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP.
	Tỉnh An Giang	Đề nghị bổ sung khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị định: “Trường hợp thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số, miền núi và xã đảo đặc biệt khó khăn giai đoạn 2021 - 2025 theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc (nay là Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo) thuộc xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới và được công nhận thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi và xã đảo đặc biệt khó khăn giai đoạn 2025 - 2030 (theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền) thì cơ quan, tổ chức, đơn vị công tác đóng trên địa bàn thuộc đối tượng hưởng chính sách quy định tại Nghị định số 76/2019/NĐ-CP; trường hợp không được công nhận thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số, miền núi và xã đảo đặc biệt khó khăn giai đoạn 2025 - 2030 thì thôi hưởng chính sách quy định tại Nghị định số 76/2019/NĐ-CP kể từ ngày xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.”	

STT	CHỦ THỂ (góp ý)	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội	Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát bảo đảm sự thống nhất giữa dự thảo Nghị định với Nghị định số 272/2025/NĐ-CP về phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030, nhất là các quy định về thẩm quyền xác định xã khu vực III và thôn đặc biệt khó khăn làm căn cứ thực hiện chính sách theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP.	Bộ Nội vụ giải trình ý kiến như sau: Dự thảo Nghị định quy định phù hợp và thống nhất với quy định Nghị định số 272/2025/NĐ-CP, cụ thể UBND tỉnh tổ chức thẩm định và phê duyệt xã khu vực III và thôn đặc biệt khó khăn; Bộ Dân tộc và Tôn giáo công bố danh sách xã khu vực III và thôn đặc biệt khó khăn trên phạm vi cả nước.
	Bộ Tài chính	Căn cứ Quyết định số 60/QĐ-BD TTG ngày 29/01/2026 và Quyết định số 104/QĐ-BD TTG ngày 27/2/2026 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo, giai đoạn 2026-2030 cả nước có 899 xã đặc biệt khó khăn/3.321 xã (chiếm khoảng 27% cả nước), có 13.139 thôn đặc biệt khó khăn/63.619 thôn (khoảng 21% cả nước), như vậy, tỷ trọng các xã, thôn đặc biệt khó khăn/tổng số đơn vị hành chính cấp xã, tổng số thôn so với giai đoạn 2021-2025 (Giai đoạn 2021-2025, cả nước có 1.551 xã đặc biệt khó khăn/10.035 xã, chiếm khoảng 15% cả nước, có 13.222 thôn đặc biệt khó khăn/90.508 thôn, chiếm khoảng 15% cả nước) đã thay đổi theo hướng địa bàn vùng xã, thôn đặc biệt khó khăn mở rộng hơn, điều này đồng nghĩa với việc đối tượng hưởng các chế độ, chính sách của nhà nước có thể sẽ tăng lên đoạn 2021-2025, dẫn đến phát sinh kinh phí ngân sách nhà nước chi trả chính sách, chế độ cho các đối tượng này.	Bộ Nội vụ giải trình như sau: Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 76/2019/NĐ-CP đã quy định vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn gồm: (1) Huyện đảo Trường Sa, Hoàng Sa, DK1; (2) Các xã khu vực III thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi, xã đảo đặc biệt

STT	CHỦ THỂ (góp ý)	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			khó khăn theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; (3) Các thôn, buôn, xóm, bản, làng, phum, sóc, ấp,... (gọi chung là thôn) đặc biệt khó khăn theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, theo đó: - Giai đoạn 2021 – 2025 (mô hình chính quyền địa phương 03 cấp): Xã khu vực III đặc biệt khó khăn và thôn đặc biệt khó khăn được xác định theo tiêu chí phân định quy định tại Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ. - Từ ngày 01/01/2026 trở đi (mô hình chính quyền địa phương 02 cấp): Xã khu vực III và thôn đặc biệt khó khăn được xác định theo tiêu chí phân định

STT	CHỦ THỂ (góp ý)	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			quy định tại Nghị định số 272/2025/NĐ-CP. - Hiện nay, thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước thì các đơn vị hành chính cấp xã và cấp thôn (chưa đảm bảo tiêu chí) sẽ tiếp tục thực hiện sắp xếp. Theo đó, để bảo đảm việc thực hiện chính sách không có khoảng trống, Bộ Nội vụ đề xuất Chính phủ trước mắt cho cho phép địa bàn xã khu vực III và thôn đặc biệt khó khăn (theo tiêu chí phân định quy định tại Nghị định số 272/2025/NĐ-CP thuộc phạm vi áp dụng chính sách từ ngày 01/01/2026 đến khi Chính phủ quy định tiêu chí phân định mới (giảm địa bàn, giảm đối tượng hưởng và

STT	CHỦ THỂ (góp ý)	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			giảm phát sinh kinh phí chi trả từ ngân sách nhà nước).
II	Đối tượng áp dụng		
	Bộ Công thương	Đề nghị chỉnh sửa: “ <u>Sửa đổi</u> ” cụm từ “xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã)” bằng cụm từ “cấp xã” tại Điều 2 Nghị định số 76/2019/NĐ-CP.	Bộ Nội vụ tiếp thu ý kiến để chỉnh lý cho phù hợp (thay cụm từ “thay thế” bằng cụm từ “sửa đổi”).
	Vụ Pháp chế	Khoản 3 Điều 1 đề nghị biên tập lại như sau: Thay thế cụm từ “xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã)” bằng cụm từ “cấp xã” tại Điều 2 Nghị định số 76/2019/NĐ-CP.	
	TP Đà Nẵng	Kính đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung tiêu đề khoản 2, đồng thời lược bỏ cụm từ “bổ sung” nêu tại khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị định để đảm bảo các nội dung thống nhất trong cùng một điều khoản.	
	Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội	Đối với Khoản 2 Điều 2 về đối tượng áp dụng là người lao động hợp đồng: Dự thảo quy định người lao động “có thỏa thuận trong hợp đồng lao động áp dụng xếp lương theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP”. Quy định này cơ bản phù hợp với thực tế hiện nay. Tuy nhiên, để bảo đảm tính ổn định, thống nhất và hiệu lực áp dụng lâu dài của Nghị định trong bối cảnh thực hiện lộ trình cải cách chính sách tiền lương theo các kết luận của Bộ Chính trị, đề nghị nghiên cứu quy định theo hướng bao quát cả trường hợp Nghị định số 204/2004/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy định về chế độ tiền lương mới, tránh phát sinh khoảng trống pháp lý hoặc phải sửa đổi Nghị định khi có thay đổi về chính sách tiền lương.	Bộ Nội vụ tiếp thu bổ sung văn bản dẫn chiếu cụ thể và bổ sung quy định khi văn bản dẫn chiếu sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế theo đúng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 68 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP đã được sửa đổi bổ sung tại khoản 38 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP. - Nghị định số 235/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026 của
	Thanh tra Chính phủ	Tại Điểm a khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị định: Đề nghị quy định rõ đối tượng áp dụng với lý do: Tại Bảng thuyết minh, so sánh đã thuyết minh việc sửa đổi khoản 2 Điều 2 Nghị định số 76/2019/NĐ-CP cho phù hợp với quy định tại Nghị định số 111/2022/NĐ-CP (kể cả được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế). Tuy nhiên, quy định như dự thảo Nghị định (cụm từ “thuộc trường hợp được áp dụng”; “hoặc có thỏa thuận trong hợp đồng lao động”) dẫn đến nhiều cách hiểu khác nhau về đối tượng điều chỉnh. Đề nghị nêu rõ “Nghị định của Chính phủ” là Nghị định nào?	

STT	CHỦ THỂ (góp ý)	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Tại điểm a khoản 2 Điều 1, đề nghị sửa dụng thuật ngữ “hợp đồng thực hiện công việc trong đơn vị sự nghiệp công lập” và thay cụm từ “quy định tại Nghị định của Chính phủ” bằng cụm từ “theo quy định của Chính phủ”, cụ thể như sau: <i>“2. Người làm các công việc theo chế độ hợp đồng thực hiện công việc trong đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của Chính phủ thuộc trường hợp được áp dụng hoặc có thỏa thuận trong hợp đồng lao động áp dụng xếp lương theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang”.</i> Lý do: Việc sử dụng thuật ngữ “hợp đồng thực hiện công việc trong đơn vị sự nghiệp công lập” bảo đảm thống nhất với dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 111/2022/NĐ-CP đang quy định hợp đồng thực hiện công việc trong đơn vị sự nghiệp công lập gồm 02 loại hợp đồng lao động và hợp đồng dịch vụ, bao quát đầy đủ các hình thức hợp đồng được áp dụng tại đơn vị sự nghiệp công lập; việc thay cụm từ “quy định tại Nghị định của Chính phủ” bằng “theo quy định của Chính phủ” giúp bảo đảm tính khái quát, tránh phải sửa đổi trong trường hợp văn bản quy định chi tiết được thay thế hoặc thay đổi hình thức ban hành.	Chính phủ về hợp đồng thực hiện công việc trong đơn vị sự nghiệp công lập chỉ áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập; còn hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ phục vụ và công việc chuyên môn, nghiệp vụ cơ quan của Đảng và Nhà nước vẫn thực hiện theo quy định tại Nghị định số 111/2022/NĐ-CP. Theo đó Bộ Nội vụ đề nghị giữ nguyên như dự thảo sau khi đã chỉnh lý theo đúng quy định của pháp luật.
	TP Đà Nẵng	Đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau: “Người làm các công việc theo chế độ hợp đồng lao động trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại các Nghị định của Chính phủ đang được xếp lương theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang”, nhằm đảm bảo các cơ quan, đơn vị, địa phương hiểu đúng và thực hiện đúng quy định.	
	Tỉnh Lai Châu	Đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ cụm từ <i>“hoặc có thỏa thuận trong hợp đồng lao động áp dụng xếp lương theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang”.</i>	Bộ Nội vụ đề nghị giữ nguyên như dự thảo (Hợp đồng lao động xếp lương theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP mới thuộc đối
	Tỉnh Lạng Sơn	Tại điểm a khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị định, đề nghị Bộ Nội vụ nghiên cứu, xem xét mở rộng phạm vi áp dụng chính sách đối với người lao động làm	

STT	CHỦ THỂ (góp ý)	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		việc theo chế độ hợp đồng lao động trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập đang công tác tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, không phân biệt hình thức trả lương theo hợp đồng lao động. Lý do: tại điểm a khoản 2 Điều 8 Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ quy định: "...Tiền lương trong hợp đồng lao động áp dụng một trong hai hình thức: áp dụng mức tiền lương theo thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật lao động hoặc áp dụng tiền lương theo bảng lương của công chức, viên chức phù hợp với khả năng ngân sách của cơ quan, tổ chức, đơn vị...". Như vậy, người lao động làm việc theo chế độ hợp đồng lao động trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập có thể được trả lương theo thỏa thuận hoặc theo bảng lương của công chức, viên chức. Trường hợp dự thảo chỉ áp dụng chính sách đối với nhóm người lao động được xếp lương theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ thì sẽ phát sinh sự khác biệt về chế độ giữa các lao động hợp đồng cùng làm việc tại cơ quan, đơn vị ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, chưa bảo đảm tính công bằng, thống nhất trong tổ chức thực hiện chính sách.	tương được áp dụng chính sách); không bổ sung đối tượng người lao động áp dụng mức tiền lương theo thỏa thuận đảm bảo phù hợp với chế độ tiền lương hiện hành.
	Viện Kiểm sát nhân dân tối cao	Đề nghị Bộ Nội vụ và các cơ quan có thẩm quyền xem xét việc bổ sung đối tượng người lao động có áp dụng mức tiền lương theo thỏa thuận là đối tượng được hưởng chế độ theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP.	
	Tỉnh Lâm Đồng	Tại điểm a khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị định: Đề nghị Bộ Nội vụ thể hiện cụ thể "Nghị định của Chính phủ" được viện dẫn nêu trên để bảo đảm thuận lợi trong quá trình áp dụng.	Bộ Nội vụ tiếp thu, đã chỉnh lý bổ sung cụ thể văn bản viện dẫn trong dự thảo Nghị định;
	Tỉnh Tuyên Quang	Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, viện dẫn cụ thể tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản và tên gọi của văn bản thay cụm từ " Nghị định của Chính phủ " được nêu tại điểm a khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị định; đồng thời, quy định rõ loại hợp đồng lao động nào (<i>xác định thời hạn, không xác định thời hạn</i>) thuộc phạm vi điều chỉnh để tránh phát sinh các cách hiểu khác nhau trong quá trình tổ chức thực hiện. Lý do đề xuất:	hợp đồng lao động xác định thời hạn và không xác định thời hạn nếu xếp lương theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP thì

STT	CHỦ THỂ (góp ý)	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		- Theo nội dung dự thảo, đối tượng áp dụng bao gồm “<i>Người làm các công việc theo chế độ hợp đồng lao động trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại Nghị định của Chính phủ thuộc trường hợp được áp dụng hoặc có thỏa thuận trong hợp đồng lao động áp dụng xếp lương theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang</i>”. Tuy nhiên, cụm từ “Nghị định của Chính phủ” chưa được viện dẫn cụ thể. - Hiện nay, Chính phủ đang quy định về hợp đồng lao động trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập tại Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ và Nghị định số 173/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ. Theo quy định tại các Nghị định này, người làm các công việc theo chế độ hợp đồng lao động đều thuộc trường hợp được áp dụng hoặc có thỏa thuận trong hợp đồng lao động áp dụng xếp lương theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ; trong đó, bao gồm cả hợp đồng thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ có thời gian ký kết hợp đồng không quá 12 tháng. Do đó, việc quy định chung là “Nghị định của Chính phủ” nhưng không dẫn chiếu cụ thể văn bản được áp dụng, đồng thời chưa làm rõ loại hợp đồng lao động thuộc phạm vi điều chỉnh có thể dẫn đến nhiều cách hiểu khác nhau khi xác định đối tượng áp dụng chính sách.	thuộc đối tượng áp dụng.
	Bộ Tư pháp	Dự thảo Nghị định không sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 3 Điều 2 Nghị định số 76/2019/NĐ-CP. Tuy nhiên, theo quy định của Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15, Luật Viên chức số 129/2025/QH15 không còn “ người tập sự ”; khoản 3 Điều 2 Nghị định số 76/2019/NĐ-CP chưa bao gồm “ công chức quốc phòng ”... Nội dung này cần được rà soát, sửa đổi phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.	Bộ Nội vụ tiếp thu ý kiến để chỉnh lý nội dung quy định có đối tượng áp dụng “ công chức quốc phòng ” và bỏ quy định cụm từ

STT	CHỦ THỂ (góp ý)	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Tại Khoản 1 Điều 2, đề nghị xem xét bỏ sù từ “kể cả người tập sự”. Lý do: Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15, Luật Viên chức số 129/2025/QH15 không còn quy định về nội dung tập sự.	“kể cả người tập sự” cho phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.
	Bộ Quốc phòng	Đề nghị bổ sung đối tượng “ công chức quốc phòng ” vào khoản 3 Điều 2 Nghị định số 76/2019/NĐ-CP. Lý do: Để bao quát các đối tượng hưởng lương đang công tác trong Quân đội nhân nhân Việt Nam đang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Trong đó, công chức quốc phòng là đối tượng thuộc lực lượng thường trực trong Quân đội nhân nhân Việt Nam theo quy định của Luật Sĩ quan quân đội nhân dân Việt Nam năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2008, năm 2014, năm 2025). Cụ thể, tại khoản 3 Điều 5 Luật Sĩ quan quy định về nguồn bổ sung sĩ quan tại ngũ, trong đó gồm: “Quân nhân chuyên nghiệp và công chức quốc phòng tại ngũ tốt nghiệp đại học trở lên đã được đào tạo, bồi dưỡng chương trình quân sự theo quy định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng”; khoản 2 Điều 16 quy định về đối tượng phong quân hàm sĩ quan tại ngũ, trong đó gồm: “Hạ sĩ quan, binh sĩ trong thời chiến; quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng...”. Ngoài ra, đối tượng này cũng đã được quy định tại một số văn bản quy phạm pháp luật hiện hành của Chính phủ như Nghị định số 161/2026/NĐ-CP, Nghị định số 152025/NĐ-CP, Nghị định số 02/2026/NĐ-CP.	
	Tỉnh Cao Bằng	Tại điểm b khoản 2 Điều 1 của dự thảo Nghị định đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét sửa thành: “6. Người làm việc trong chỉ tiêu biên chế tại các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ” do hiện nay Bộ đang sửa đổi, bổ sung Nghị định số 126/2024/NĐ-CP, nếu quy định như dự thảo Nghị định sẽ không phù hợp.	Bộ Nội vụ tiếp thu ý kiến để chỉnh lý nội dung cho phù hợp.
	Vụ Tổ chức phi chính phủ	Đề nghị sửa điểm b khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị định như sau: “6. Người làm việc trong chỉ tiêu biên chế tại các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội”.	
III	Phụ cấp thu hút		
	Tỉnh Quảng Ngãi	Đề nghị bổ sung nội dung tại Điều 4	Bộ Nội vụ đề nghị trước mắt giữ nguyên

STT	CHỦ THỂ (góp ý)	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Nghị định số 76/2019/NĐ-CP như sau: “<i>Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang đã có thời gian công tác tại các vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và đã được hưởng chính sách phụ cấp thu hút đủ 60 tháng và đã chuyển công tác ra khỏi vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nhưng do yêu cầu về công tác cán bộ được cấp có thẩm quyền quyết định điều động, luân chuyển, biệt phái tiếp tục đến công tác tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thì tiếp tục được hưởng chính sách phụ cấp thu hút theo Nghị định này trong thời gian được điều động, luân chuyển, biệt phái.</i>” Lý do: Thực tiễn có nhiều trường hợp đã đủ thời gian hưởng phụ cấp thu hút theo quy định (60 tháng), sau đó theo yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy được điều động, tăng cường đến địa bàn khó khăn khác nhưng không thuộc diện được tiếp tục hưởng phụ cấp thu hút, dẫn đến điều kiện sinh hoạt và công tác còn nhiều hạn chế. Việc bổ sung quy định nêu trên sẽ góp phần khuyến khích, động viên đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang yên tâm nhận nhiệm vụ khi được điều động, luân chuyển, biệt phái đến địa bàn đặc biệt khó khăn, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	thời gian hưởng phụ cấp; việc sắp xếp các loại phụ cấp, trợ cấp và điều chỉnh tăng thời gian hưởng phụ cấp thu hút sẽ được tổng hợp để báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư cho ý kiến trước khi trình Hội nghị TW5 khóa XIV vào năm 2027 (văn bản số 3426-CV/VPTW ngày 30/6/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng).
	Tỉnh Điện Biên, Bộ Quốc phòng	Hiện tại, trong dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ, Bộ Nội vụ đang đề nghị giữ nguyên điều này, tuy nhiên đề nghị Bộ Nội vụ nghiên cứu, xem xét sửa đổi điều này theo hướng không khống chế thời gian hưởng chính sách thu hút (05 năm) mà áp dụng chính sách thu hút đối với công chức, viên chức trong toàn bộ thời gian công tác tại vùng có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn thuộc địa bàn biên giới, biển, đảo; Kéo dài thời gian được hưởng phụ cấp thu hút đối với cán bộ, công chức, viên chức công tác ở khu vực đặc biệt khó khăn khi các xã khu vực này được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.	
	Ông Đinh Văn Quý, Sở Nông nghiệp và Môi	Đề nghị bổ sung Điều 4 Nghị định 76/2019/NĐ-CP, "Hệ số chênh lệch bảo lưu".	Bộ Nội vụ đề nghị giữ nguyên như quy định tại Điều 4 Nghị định

STT	CHỦ THỂ (góp ý)	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	trường tỉnh Lâm Đồng	Vì hiện nay phát sinh đối tượng trước đây đã là cán bộ, công chức, viên chức được cơ quan có thẩm quyền điều động sang công tác tại các cơ quan không phải là công chức, viên chức. Nay được tiếp nhận vào làm công chức theo nghị định 170/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ được xếp lương theo hướng dẫn tại Thông tư số 01/2026/TT-BNV ngày 01/01/2026.	số 76/2019/NĐ-CP. Việc hệ số chênh lệch bảo lưu này sẽ được tổng hợp trong việc triển khai chế độ tiền lương mới.
IV	Phụ cấp công tác lâu năm ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn		
	Bộ Xây dựng	Điều 5 Nghị định số 76/2019/NĐ-CP: Đề nghị nghiên cứu điều chỉnh tăng mức phụ cấp công tác lâu năm đối với người có thời gian thực tế làm việc tại các địa bàn này từ đủ 10 năm trở lên, nhằm động viên, khuyến khích đội ngũ công chức, viên chức yên tâm công tác và gắn bó lâu dài tại địa bàn đặc biệt khó khăn, trong khi mức hưởng hiện nay còn thấp.	Bộ Nội vụ đề nghị trước mắt giữ nguyên mức phụ cấp, trợ cấp; việc sắp xếp các loại phụ cấp, trợ cấp và điều chỉnh tăng thời gian hưởng phụ cấp thu hút sẽ được tổng hợp để báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư cho ý kiến trước khi trình Hội nghị TW5 khóa XIV vào năm 2027 (văn bản số 3426-CV/VPTW ngày 30/6/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng). Thời gian tính hưởng các chế độ, chính sách (trong đó có phụ cấp công tác lâu năm) đã được quy
	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Tại Điều 5, đề nghị nghiên cứu, xem xét bổ sung mức phụ cấp công tác lâu năm ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đối với người có thời gian công tác từ đủ 03 năm đến dưới 05 năm với hệ số 0,3. Lý do: Phụ cấp công tác lâu năm là một trong những chính sách quan trọng nhằm thu hút, động viên và giữ chân đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động công tác tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Tuy nhiên, theo quy định hiện hành, người công tác tại địa bàn này phải có thời gian công tác từ đủ 5 năm trở lên mới được hưởng phụ cấp, đây là khoảng thời gian tương đối dài. Việc bổ sung mức phụ cấp đối với người có thời gian công tác từ đủ 03 năm đến dưới 05 năm sẽ góp phần thực hiện chính sách thu hút, trọng dụng đội ngũ, tạo động lực để đội ngũ yên tâm công tác, gắn bó lâu dài với địa bàn khó khăn, nhất là trong bối cảnh nhiều địa phương còn gặp khó khăn trong thu hút và ổn định nguồn nhân lực chất lượng cao.	
	Vụ Công chức – Viên chức	Nội dung dự thảo Nghị định chưa có nội dung sửa đổi, bổ sung để xử lý các hạn chế, vướng mắc được nêu tại dự thảo Báo cáo về tình hình triển khai thực hiện Nghị định, như các nhận định, đánh giá: (1) “Một số định mức phụ cấp, trợ cấp hiện nay còn thấp, chưa thật sự hấp dẫn, nhất là một số phụ cấp, trợ	

STT	CHỦ THỂ (góp ý)	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		cấp tính theo mức lương cơ sở (như: Phụ cấp công tác lâu năm, trợ cấp lần đầu, phụ cấp lưu động) không phù hợp với sự biến động của giá cả thị trường”; (2) “Phụ cấp ưu đãi theo nghề thì được kéo dài nhưng phụ cấp thu hút bị giới hạn trong khoảng thời gian không quá 5 năm (60 tháng). Việc chuyển đổi giữa hưởng phụ cấp thu hút sang hưởng phụ cấp công tác lâu năm sẽ làm giảm mức thu nhập đáng kể, khó khăn trong sinh hoạt, ảnh hưởng đến tâm lý của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động công tác lâu năm (trên 5 năm), nhất là các đối tượng không được hưởng phụ cấp ưu đãi theo nghề”; ...	định tại Điều 13 Nghị định số 76/2019/NĐ-CP, trường hợp còn vướng mắc sẽ có hướng dẫn theo quy định tại khoản 1 Điều 6 dự thảo Nghị định.
	Tỉnh Nghệ An	Đối với Điều 5: - Đề nghị xem xét, điều chỉnh mức phụ cấp công tác lâu năm ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn như sau: “1. Mức 1,0 áp dụng đối với người có thời gian thực tế làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn từ đủ 5 năm đến dưới 10 năm”; “2. Mức 1,2 áp dụng đối với người có thời gian thực tế làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn từ đủ 10 năm đến dưới 15 năm”; “3. Mức 1,5 áp dụng đối với người có thời gian thực tế làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn từ đủ 15 năm trở lên”. Lý do đề xuất: Việc xem xét, điều chỉnh tăng mức phụ cấp công tác lâu năm xuất phát từ thực tiễn. Hiện nay, định mức trợ cấp quy định tại Nghị định số 76/2019/NĐ-CP đã không còn phù hợp với chỉ số tiêu dùng và mức sống thực tế của cán bộ, công chức tại cơ sở. Dù Chính phủ đã có nhiều đợt cải cách và tăng lương cơ sở, song sự trượt giá của thị trường vẫn tạo ra áp lực kinh tế lớn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Do đó, việc nâng mức phụ cấp công tác lâu năm là giải pháp cần thiết nhằm bảo đảm phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, đồng thời tạo động lực để thu hút và giữ chân nguồn nhân lực an tâm công tác lâu dài tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. - Đề nghị quy định thêm về cách tính thời gian và mức phụ cấp đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc ở vùng có điều kiện kinh	

STT	CHỦ THỂ (góp ý)	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		tế - xã hội đặc biệt khó khăn đã nhận phụ cấp lâu năm, sau đó chuyển ra khỏi vùng ĐBKK và đã nhận trợ cấp một lần. Khi quay trở lại làm việc ở vùng ĐBKK thì được tính như thế nào?	
	Tỉnh Lào Cai	Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu sửa đổi thêm Điều 5 về phụ cấp công tác lâu năm nhằm tránh các cách hiểu khác nhau khi thực hiện chế độ, chính sách, cụ thể sửa đổi, Điều 5 như sau: “Điều 5. Phụ cấp công tác lâu năm ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn Đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị định này được hưởng phụ cấp hàng tháng tính theo mức lương cơ sở và thời gian thực tế làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (kể cả thời gian đã được tính hưởng trợ cấp ra khỏi vùng đặc biệt khó khăn) như sau:...”.	
V	Trợ cấp lần đầu khi nhận công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn		
	Bộ Công an	- Tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 76/2019/NĐ-CP quy định: “Trợ cấp lần đầu bằng 10 tháng lương cơ sở tại thời điểm nhận công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn”. Thực tế có nhiều trường hợp được cấp có thẩm quyền quyết định đến thực hiện nhiệm vụ ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trong thời gian ngắn (từ 01 tháng đến dưới 12 tháng); theo đó việc quy định trợ cấp lần đầu tại thời điểm nhận công tác đối với cán bộ đến nhận công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn như hiện nay là chưa phù hợp. Đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo nghiên cứu quy định điều kiện cụ thể, thời gian tối thiểu công tác thực tế ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn làm căn cứ chi trả chế độ trợ cấp lần đầu. - Tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 76/2019/NĐ-CP quy định: “Trường hợp có gia đình cùng đến công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì ngoài trợ cấp lần đầu, còn được trợ cấp...”. Để thống nhất thực hiện chế độ, chính sách này, đề nghị đơn vị chủ trì nghiên cứu bổ sung quy định cụ thể về: (1) Các thành viên trong gia đình cùng đến công tác gồm những thành viên nào? Chỉ cần một trong các thành viên hay phải đủ các thành viên trong hộ gia đình cùng đến công tác ở	Bộ Nội vụ đề nghị giữ nguyên chính sách trợ cấp lần đầu như quy định hiện hành. Việc đề nghị bổ sung chính sách (hỗ trợ tiền thuê nhà; ưu tiên trong việc thuê đất ở; hỗ trợ tiền đi lại) sẽ được tổng hợp để báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư cho ý kiến trước khi trình Hội nghị TW5 khóa XIV vào năm 2027 (văn bản số 3426-CV/VPTW ngày

STT	CHỦ THỂ (góp ý)	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì được trợ cấp 12 tháng lương cơ sở? (2) Thời gian cùng đến công tác là phải đến cùng thời điểm hay khác thời điểm nhưng trong khoảng thời gian nhất định? Thời gian tối thiểu hộ gia đình cùng đến công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn là bao lâu?	30/6/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng)
	Bộ Giáo dục và Đào tạo	- Tại Điều 6, đề nghị nghiên cứu, làm rõ một số trường hợp, nội dung như sau: (i) Trường hợp đã được hưởng trợ cấp lần đầu khi đến công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn sau đó chuyển công tác về vùng có điều kiện kinh tế - xã hội bình thường. Tiếp theo đó lại chuyển công tác đến vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì có thuộc trường hợp được hưởng trợ cấp lần đầu không? (ii) Đối tượng được hưởng trợ cấp quy định tại Nghị định này bao gồm cả người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động quy định tại Nghị định số 111/2022/NĐ-CP (thay thế Nghị định số 68/2000/NĐ-CP), theo đó, trường hợp chỉ ký hợp đồng lao động từ 01 đến 02 tháng hoặc trường hợp chỉ biệt phái 01 đến 02 tháng tới công tác tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có thuộc trường hợp được hưởng chính sách tại Nghị định số 76/2019/NĐ-CP không?	
	Tỉnh Lào Cai	Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung quy định về thời gian tối thiểu để hưởng trợ cấp lần đầu quy định tại Điều 6 Nghị định số 76/2019/NĐ-CP của Chính phủ: Nghị định số 76/2019/NĐ-CP đã theo hướng đơn giản hóa điều kiện hưởng trợ cấp lần đầu, trong đó đã <i>bãi bỏ quy định về thời gian công tác tối thiểu (03 năm đối với nữ, 05 năm đối với nam)</i> như trước đây, và chỉ xác định điều kiện theo việc “nhận công tác lần đầu tại vùng ĐBK”. Tuy nhiên, căn cứ vào tình hình thực tế, việc <i>không quy định điều kiện về thời gian công tác để được hưởng trợ cấp lần đầu</i> trong Nghị định số 76/2019/NĐ-CP còn bộc lộ một số hạn chế, bất cập như sau: Thứ nhất, quy định hiện hành chưa gắn chính sách trợ cấp lần đầu với yêu cầu về mức độ gắn bó tối thiểu với vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, dẫn đến việc chưa tạo được cơ chế ràng buộc đủ mạnh nhằm khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức ổn định công tác lâu dài tại cơ sở.	

STT	CHỦ THỂ (góp ý)	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Thứ hai, việc không quy định thời gian công tác tối thiểu dễ phát sinh tâm lý trong thực tiễn là chỉ cần đến nhận công tác là được hưởng chế độ, không đặt ra yêu cầu về thời gian cống hiến, từ đó có thể ảnh hưởng đến mục tiêu thu hút và giữ chân nguồn nhân lực tại vùng khó khăn. Từ những phân tích nêu trên, có thể nhận thấy việc không quy định điều kiện về thời gian công tác để hưởng trợ cấp lần đầu tại Nghị định số 76/2019/NĐ-CP là chưa thật sự phù hợp, cần được nghiên cứu, đánh giá để có hướng dẫn bổ sung hoặc điều chỉnh nhằm bảo đảm mục tiêu chính sách lâu dài đối với vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.	
	Tỉnh Điện Biên	Tại Điều 6 Nghị định số 76/2019/NĐ-CP: Đề nghị Bộ Nội vụ xem xét, tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành Nghị định quy định cụ thể thời gian công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được hưởng trợ cấp lần đầu. Lý do: Để giải quyết vướng mắc về chế độ, chính sách đối với công chức, viên chức được cơ quan có thẩm quyền quyết định biệt phái (trong thời gian dưới 10 tháng hoặc dưới 3 năm) về xã khu vực III (xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn) có được hưởng trợ cấp lần đầu không. Ngoài ra đề nghị Bộ Nội vụ xem xét, cân nhắc bổ sung vào dự thảo Nghị định quy định về chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức công tác tại vùng đặc biệt khó khăn, gồm: hỗ trợ tiền thuê nhà; ưu tiên trong việc thuê đất ở; hỗ trợ tiền đi lại đối với cán bộ, công chức, viên chức có quãng đường cách xa trụ sở làm việc.	
	Tỉnh Thanh Hóa	Tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ quy định: “<i>Đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị định này khi nhận công tác lần đầu ở cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được hưởng trợ cấp</i>”. Ngày 31/5/2022, Bộ Nội vụ có Công văn số 2285/BNV-TL về việc trợ cấp lần đầu tại Điều 6 Nghị định số 76/2019/NĐ-CP; theo đó, tại mục 1: “<i>Tại Điều 6 Nghị định số 76/2019/NĐ-CP quy định trợ cấp lần đầu được áp dụng đối với các đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị định này khi nhận công tác lần đầu ở cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc</i>	Bộ Nội vụ giải trình như sau: Trợ cấp lần đầu áp dụng đối với đối tượng đến công tác ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quyết định của cấp có thẩm quyền (tại thời

STT	CHỦ THỂ (góp ý)	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn và chỉ được nhận một lần trong quá trình công tác. Theo đó, không áp dụng trợ cấp lần đầu đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang ở địa bàn không thuộc vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn, sau đó địa bàn đang công tác được cấp có thẩm quyền quyết định là vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn”. Do ảnh hưởng của việc sắp xếp chính quyền địa phương 2 cấp, hiện nay địa phương vẫn gặp phải một số vướng mắc, khó khăn giữa thời điểm nhận công tác và thời điểm có quyết định vùng khó: “Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang đến công tác tại địa bàn xã mới (sau sắp xếp đơn vị hành chính) trong khoảng thời gian từ ngày 01/7/2025 đến ngày 31/12/2025, chưa có Quyết định phê duyệt là vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Theo Quyết định 60/QĐ-BDTTG ngày 29/01/2026, xã đã chính thức được công nhận là xã thuộc vùng đặc biệt khó khăn”. Để bảo đảm thực hiện thống nhất chính sách, đề nghị Bộ Nội vụ quy định thống nhất nội dung này.	điểm đến công tác) mới được hưởng; trường hợp đến công tác tại thời điểm không thuộc vùng đặc biệt khó khăn (chưa có quyết định của cấp có thẩm quyền), sau đó vùng này được cấp có thẩm quyền công nhận là vùng có điều kiện đặc biệt khó khăn thì cũng không được hưởng trợ cấp lần đầu.
VI	Trợ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt và sạch		
		Không đề nghị sửa đổi, bổ sung	
VII	Trợ cấp một lần khi chuyển công tác ra khỏi vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc khi nghỉ hưu		
	Tỉnh Đắk Lắk	Thời gian qua, việc nghỉ hưu cán bộ, công chức, viên chức được thực hiện quy định theo Bộ Luật Lao động và Nghị định 135/2020/NĐ-CP. Đồng thời, Chính phủ cũng có ban hành một số quy định về chế độ, chính sách liên quan đến việc nghỉ hưu, nghỉ hưu trước tuổi như: Nghị định 178/2024/NĐ-CP (được sửa đổi bổ sung Nghị định số 67/2025/NĐ-CP), Nghị định 154/2025/NĐ-CP. Theo đó, đối tượng cán bộ, công chức, viên chức tại các văn bản nêu trên đều được xác định là “nghỉ hưu”; do vậy, đề nghị bộ phận soạn thảo cần quy định chi tiết, cụ thể hơn về từng đối tượng “nghỉ hưu” để được hưởng chế độ, chính sách tại Điều 8 Nghị định số 76/2019/NĐ-CP đảm bảo đúng quy định, thực hiện thống nhất đối với người nghỉ hưu ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.	Bộ Nội vụ giải trình như sau: Trợ cấp một lần áp dụng đối với đối tượng nghỉ hưu theo quy định của pháp luật về Lao động và Nghị định 135/2020/NĐ-CP (riêng lực lượng vũ trang theo quy định của Luật chuyên

STT	CHỦ THỂ (góp ý)	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Bộ Quốc phòng	Đề nghị bổ sung cụm từ “phục viên, xuất ngũ, thôi việc” vào sau cụm từ nghỉ hưu tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 76/2019/NĐ-CP để bao quát đầy đủ các trường hợp thôi phục vụ tại ngũ (gồm: Nghỉ hưu, phục viên, xuất ngũ, thôi việc) trong Quân đội.	ngành). Trường hợp địa phương còn vướng mắc sẽ có hướng dẫn theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 6 dự thảo Nghị định.
	Tỉnh Cao Bằng	Tại quy định tại Điều 8 Nghị định số 76/2019/NĐ-CP, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét, quy định rõ việc được hưởng hoặc không được hưởng trợ cấp một lần khi nghỉ hưu đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động (gồm nghỉ hưu đúng tuổi, nghỉ hưu ở tuổi thấp hơn tuổi nghỉ hưu trong điều kiện lao động bình thường; nghỉ hưu trước tuổi (theo quy định về tinh giản biên chế và nghỉ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP); nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu) để địa phương có căn cứ triển khai, thực hiện thống nhất, đồng bộ và có căn cứ trả lời cá nhân, đơn vị khi có đơn thư, kiến nghị, văn bản đề nghị hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ.	
	Tỉnh Thái Nguyên	Đề nghị Bộ Nội vụ xem xét, sửa đổi quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 76/2019/NĐ-CP, quy định về trợ cấp một lần khi chuyển công tác ra khỏi vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc khi nghỉ hưu, cụ thể như sau: Đề nghị điều chỉnh “1. Đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị định này đang công tác và có thời gian thực tế làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn từ đủ 10 năm trở lên, khi chuyển công tác ra khỏi vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc khi nghỉ hưu...” thành “1. Đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị định này đang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có thời gian thực tế làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn từ đủ 10 năm trở lên, khi chuyển công tác ra khỏi vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc khi nghỉ hưu...” hoặc sửa đổi thành “1. Đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị định này đang công tác và đã có thời gian thực tế làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn từ đủ 10 năm trở lên, khi chuyển công tác ra khỏi vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc khi nghỉ hưu...”	

STT	CHỦ THỂ (góp ý)	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
VIII	Thanh toán tiền tàu xe		
		Không đề nghị sửa đổi, bổ sung	
IX	Trợ cấp tham quan, học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ		
		Không đề nghị sửa đổi, bổ sung	
X	Phụ cấp ưu đãi theo nghề		
	Bộ Tư pháp	Dự thảo Nghị định không sửa đổi, bổ sung Điều 11 Nghị định số 76/2019/NĐ-CP về phụ cấp ưu đãi theo nghề. Tuy nhiên, hiện nay Chính phủ đã ban hành Nghị định số 182/2026/NĐ-CP ngày 22/5/2026 quy định chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục và nhân sự hỗ trợ giáo dục công tác trong các cơ sở giáo dục công lập, trong đó có quy định về phụ cấp nghề đối với nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục công tác tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (Điều 3); Bộ Y tế đang chủ trì xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định phụ cấp nghề đối với nhân viên y tế, trong đó dự kiến quy định phụ cấp nghề đối với nhân viên y tế công tác tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn... Do đó, nội dung này cần được rà soát, bảo đảm thống nhất trong hệ thống pháp luật.	Bộ Nội vụ đề nghị giữ nguyên mức phụ cấp ưu đãi nghề. Lý do, tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 76/2019/NĐ-CP đã quy định nguyên tắc áp dụng , cụ thể: “ <i>Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang thuộc đối tượng áp dụng chính sách quy định tại Nghị định này, đồng thời thuộc đối tượng áp dụng chính sách cùng loại quy định tại văn bản quy phạm pháp luật khác thì chỉ được hưởng một mức cao nhất của chính sách đó</i> ”.
	Tỉnh Điện Biên	Hiện tại trong dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ, Bộ Nội vụ đang đề nghị giữ nguyên điều này, tuy nhiên đề nghị Bộ Nội vụ nghiên cứu, xem xét sửa đổi điều này theo hướng “ <i>trừ đối tượng là nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và nhân sự hỗ trợ giáo dục; viên chức và người lao động trong các cơ sở y tế công lập</i> ” nhằm phù hợp với các Kết luận của Bộ Chính trị, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các Nghị định của Chính phủ về chế độ ưu đãi đối với nhà giáo và viên chức hỗ trợ giáo dục; viên chức và người lao động trong các cơ sở Y tế công lập	
	Tỉnh Tuyên Quang	Xem xét, sửa đổi khoản 1 Điều 11 Nghị định 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ, về phụ cấp ưu đãi theo nghề: “ <i>Công chức, viên chức và người lao động là nhà giáo, viên chức quản lý giáo dục trong các cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp</i> ” để đảm bảo phù hợp với Nghị định số 182/2026/NĐ-CP ngày 22/5/2026 của Chính phủ quy định chế độ phụ cấp ưu	

STT	CHỦ THỂ (góp ý)	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		đãi theo nghề đối với nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục và nhân sự hỗ trợ giáo dục công tác trong các cơ sở giáo dục công lập	
	Tỉnh Cao Bằng	Sửa đổi, bổ sung nội dung tại điểm a khoản 2 Điều 13 Nghị định số 76/2019/NĐ-CP, từ: "<i>Đối với nhà giáo đạt từ 50% định mức giờ giảng trong tháng trở lên thì được tính cả tháng; thời gian nghỉ hè được hưởng lương đối với nhà giáo theo chế độ quy định của cơ quan có thẩm quyền thì được tính hưởng phụ cấp thu hút và phụ cấp ưu đãi theo nghề</i>" thành "<i>Đối với nhà giáo đạt từ 50% định mức giờ giảng trong tháng trở lên thì được tính cả tháng; thời gian nghỉ hè được hưởng lương đối với nhà giáo theo chế độ quy định của cơ quan có thẩm quyền thì được hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định số 76/2019/NĐ-CP</i>". Do nếu quy định như điểm a khoản 2 Điều 13 Nghị định số 76/2019/NĐ-CP thì không rõ trong thời nghỉ hè của giáo viên có được tính hưởng phụ cấp công tác lâu năm hay không? Sửa đổi, bổ sung nội dung tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 76/2019/NĐ-CP như sau: "<i>Công chức, viên chức và người lao động trực tiếp làm công tác chuyên môn y tế trong các cơ sở y tế của Nhà nước bao gồm: Trạm y tế cấp xã; Trạm y tế cơ quan, trường học; Phòng khám đa khoa khu vực; Nhà hộ sinh, Trung tâm y tế, Bệnh viện và các cơ sở y tế khác từ cấp xã trở lên</i>" thành "<i>Công chức, viên chức và người lao động của cơ sở y tế của Nhà nước bao gồm: Trạm y tế cấp xã; Trạm y tế cơ quan, trường học; Phòng khám đa khoa khu vực; Nhà hộ sinh, Trung tâm y tế, Bệnh viện và các cơ sở y tế khác từ cấp xã trở lên trực tiếp làm công tác chuyên môn y tế</i>". Quy định này đảm bảo quyền lợi cho công chức, viên chức, người lao động được cơ quan đơn vị phân công đến nơi "không phải cơ sở y tế" thực hiện nhiệm vụ y tế như: phòng chống dịch, kiểm dịch,...	
	Tỉnh Nghệ An	Đề xuất nghiên cứu điều chỉnh mức phụ cấp ưu đãi theo nghề tại Điều 11 của Nghị định số 76/2019/NĐ-CP để phù hợp mức phụ cấp ưu đãi theo nghề quy định tại Nghị định số 182/2026/NĐ-CP ngày 22/5/2026 của Chính phủ quy định chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục và nhân sự hỗ trợ giáo dục công tác trong các cơ sở giáo dục công lập.	

STT	CHỦ THỂ (góp ý)	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Tòa án nhân dân tối cao	Tại khoản 1 Điều 11 dự thảo Nghị định cần điều chỉnh nâng mức phụ cấp ưu đãi nghề lên 100% cho giáo viên công tác tại khu vực đặc biệt khó khăn để thực hiện theo đúng tinh thần tại Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo (Mục III.2). Tại khoản 2 Điều 11 dự thảo Nghị định cần điều chỉnh nâng mức phụ cấp ưu đãi nghề lên 100% cho người thường xuyên và trực tiếp làm chuyên môn y tế tại trạm y tế cấp xã, cơ sở y tế dự phòng ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn theo đúng tinh thần tại Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo (Mục III.2).	
	Bộ Giáo dục và Đào tạo	- Tại Điều 11, đề nghị nghiên cứu, chỉnh sửa mức phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với công chức, viên chức, người lao động là nhà giáo, viên chức quản lý trong cơ sở giáo dục và bỏ cụm từ “cơ sở giáo dục nghề nghiệp” tại khoản 1, cụ thể như sau: “Điều 11. Phụ cấp ưu đãi theo nghề 1. Phụ cấp ưu đãi theo nghề bằng 70% mức lương hiện hưởng (theo bảng lương do cơ quan có thẩm quyền của Đảng và Nhà nước quy định) cộng với phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) áp dụng đối với thời gian thực tế làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn của các đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị định này, gồm: a) Công chức, viên chức và người lao động trực tiếp làm công tác chuyên môn y tế trong các cơ sở y tế của Nhà nước bao gồm: Trạm y tế cấp xã; Trạm y tế cơ quan, trường học; Phòng khám đa khoa khu vực; Nhà hộ sinh, Trung tâm y tế, Bệnh viện và các cơ sở y tế khác từ cấp xã trở lên; b) Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, viên chức quốc phòng, nhân viên quân y trực tiếp làm chuyên môn y tế tại các Trạm y tế kết hợp quân dân y. 2. Công chức, viên chức và người lao động là nhà giáo, viên chức quản lý trong các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân được hưởng mức phụ cấp ưu đãi theo nghề theo quy định của pháp luật về nhà giáo”. Lý do: (i) Thống nhất quy định về mức phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với nhà giáo, viên chức quản lý trong các cơ sở giáo dục tại Nghị định số 182/2026/NĐ-CP ngày	Bộ Nội vụ tiếp thu ý kiến để rà soát, chỉnh lý, thay thế, bãi bỏ một số cụm từ cho phù hợp và thống nhất với quy định của Luật Nhà giáo số 73/2025/QH15 và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

STT	CHỦ THỂ (góp ý)	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		22/5/2026 của Chính phủ quy định chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục và nhân sự hỗ trợ giáo dục công tác trong các cơ sở giáo dục công lập; (ii) Bỏ cụm từ “cơ sở giáo dục nghề nghiệp” vì theo quy định của Luật Giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp là một loại hình cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.	
XI	Phụ cấp lưu động và phụ cấp dạy tiếng dân tộc thiểu số đối với nhà giáo, viên chức quản lý giáo dục công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn		
	Bộ Giáo dục và Đào tạo	- Tại khoản 1 Điều 12, đề nghị nghiên cứu, xem xét bổ sung đối tượng được hưởng phụ cấp lưu động đối với nhà giáo và viên chức quản lý trong các cơ sở giáo dục có từ 04 điểm trường trở lên, cụ thể như sau: “1. Phụ cấp lưu động: Nhà giáo, viên chức quản lý đang làm chuyên trách về xóa mù chữ và phổ cập giáo dục hoặc đang công tác trong cơ sở giáo dục có từ 04 điểm trường trở lên mà phải thường xuyên di chuyển giữa các điểm trường để thực hiện nhiệm vụ được hưởng phụ cấp lưu động hệ số 0,2 so với mức lương cơ sở.” Lý do: sau quá trình sắp xếp, tổ chức lại mạng lưới cơ sở giáo dục, nhiều trường học được tổ chức theo mô hình có nhiều điểm trường phân tán trên địa bàn rộng. Nhà giáo và viên chức quản lý thường xuyên phải di chuyển giữa các điểm trường để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn, nghiệp vụ, phát sinh chi phí và làm việc trong điều kiện tương tự đối tượng đang được hưởng phụ cấp lưu động. Do đó, việc bổ sung đối tượng này sẽ bảo đảm phù hợp với thực tiễn, góp phần động viên đội ngũ công tác tại các địa bàn khó khăn.	Bộ Nội vụ đề nghị giữ nguyên như quy định hiện hành (quy định tại Điều 12 Nghị định số 76/2019/NĐ-CP hoặc Thông tư số 06/2005/TT-BNV ngày 05/01/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp lưu động đối với cán bộ, công chức, viên chức).
XII	Thời gian thực tế làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn để làm căn cứ tính hưởng các chế độ phụ cấp, trợ cấp		
	Bộ Công an, Bộ Quốc phòng	Tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 76/2019/NĐ-CP quy định: “Thời gian thực tế làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn là tổng thời gian làm việc có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (nếu có thời gian đứt quãng mà chưa hưởng chế độ bảo hiểm xã hội thì được cộng dồn)...”. Tuy nhiên, thực tế cán bộ, chiến sĩ thuộc biên chế và đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc ở các đơn vị nghiệp vụ (ví dụ Trung đoàn Cảnh sát cơ động,	Bộ Nội vụ đề nghị giữ nguyên như quy định hiện hành. Trường hợp còn vướng mắc, Bộ Nội vụ sẽ chủ trì, phối hợp với Bộ Công an và

STT	CHỦ THỂ (góp ý)	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Phòng Cảnh sát giao thông...) có trụ sở chính ở địa bàn không thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được cấp có thẩm quyền quyết định đến thực hiện nhiệm vụ (bảo vệ mục tiêu hoặc tuần tra, kiểm soát, đảm bảo trật tự an toàn giao thông ...) ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Do đó, đề nghị đơn vị chủ trì nghiên cứu quy định rõ hơn để tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện chế độ, chính sách đối với nhóm đối tượng này.	Bộ Quốc phòng hướng dẫn cụ thể về đối tượng thực hiện nhiệm vụ ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn quy định tại khoản 1 Điều 6 dự thảo Nghị định.
	Tỉnh Cao Bằng	Về tính thời gian công tác ở vùng đặc biệt khó khăn: Thực tế triển khai thực hiện địa phương vướng mắc về việc thực hiện phụ cấp công tác lâu năm và trợ cấp một lần khi chuyển công tác ra khỏi vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, do đó đề nghị xem xét các nội dung: + Đề nghị xem xét quy định thời gian thực tế làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đối với trường hợp đã hưởng trợ cấp một lần khi chuyển công tác ra khỏi vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn sau đó tiếp tục được cấp có thẩm quyền bố trí công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Đối với trường hợp trên thì thời gian công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được tính như thế nào? Được cộng nối giai đoạn trước hay không. Trường hợp được tính cộng cả giai đoạn trước, có thu hồi kinh phí trợ cấp ra khỏi vùng hay không? + Đối với khoảng thời gian từ 01/7/2025 - 31/12/2025 , các trường hợp được giữ nguyên (bảo lưu hoặc tiếp tục hưởng) theo Công văn số 03/CV-BCĐ ngày 14/4/2025, Công văn số 16/CV-BCĐ ngày 09/8/2025 của Ban Chỉ đạo sắp xếp ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức CQĐP 02 cấp hoặc được hưởng theo khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung: Vậy, khi thực hiện chính sách có được tính là thời gian thực tế công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hay không, đề nghị cơ quan soạn thảo quy định rõ để tránh trường hợp không thống nhất trong việc thực hiện chính sách giữa các địa phương trong cả nước dẫn đến đơn thư, khiếu nại.	
	Tỉnh Sơn La	Đề nghị Bộ Nội vụ nghiên cứu:	Bộ Nội vụ đề nghị giữ nguyên như quy định

STT	CHỦ THỂ (góp ý)	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Bổ sung quy định chuyển tiếp hoặc có hướng dẫn cụ thể đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang đã có thời gian công tác tại các xã thuộc huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP và đã hưởng chính sách theo Nghị định số 116/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ; đồng thời làm rõ việc bảo lưu, cộng dồn thời gian công tác đã được tính hưởng chính sách theo Nghị định số 116/2010/NĐ-CP để xác định điều kiện hưởng phụ cấp công tác lâu năm và các chế độ có liên quan theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP. Lý do: Qua thực tiễn triển khai tại địa phương còn phát sinh nhiều cách hiểu khác nhau đối với các trường hợp đã có thời gian công tác tại các xã thuộc huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP và đã hưởng chính sách theo Nghị định số 116/2010/NĐ-CP, đặc biệt trong việc xác định thời gian công tác để tính hưởng phụ cấp công tác lâu năm theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP. Việc bổ sung quy định chuyển tiếp hoặc có hướng dẫn cụ thể là cần thiết nhằm bảo đảm thống nhất trong quá trình tổ chức thực hiện và bảo đảm quyền lợi của đối tượng thụ hưởng.	hiện hành. Lý do: Nghị định số 116/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ chỉ cho đối tượng công tác tại xã thuộc huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP hưởng chính sách theo Nghị định số 116/2010/NĐ-CP; không quy định xã thuộc huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.
	Bộ Giáo dục và Đào tạo	- Tại điểm a khoản 2 Điều 13, đề nghị nghiên cứu, xem xét bỏ cụm từ “thời gian nghỉ hè được hưởng lương đối với nhà giáo theo chế độ quy định của cơ quan có thẩm quyền”, đồng thời sửa đổi, bổ sung như sau: “Đối với nhà giáo đạt từ 50% định mức tiết dạy, giờ giảng trong tháng trở lên thì được tính cả tháng, trừ trường hợp tính hưởng phụ cấp ưu đãi theo nghề theo quy định của Chính phủ”. Lý do: (i) bổ sung cụm từ “tiết dạy” phù hợp với quy định về chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông; (ii) bổ nội dung về thời gian nghỉ hè để thống nhất với quy định tại điểm g khoản 1 Điều 17 Nghị định số 93/2026/NĐ-CP quy định “trong thời gian nghỉ hè, nhà giáo được hưởng nguyên lương và phụ cấp theo quy định”; (iii) bổ sung đoạn “trừ trường hợp tính hưởng phụ cấp ưu đãi theo nghề theo quy định của Chính	Bộ Nội vụ đề nghị giữ nguyên như quy định hiện hành. Tuy nhiên, có rà soát bổ sung cụm từ “tiết dạy” cho phù hợp và thống nhất với quy định hiện hành về chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông.

STT	CHỦ THỂ (góp ý)	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		phủ" để thống nhất cách tính hưởng phụ cấp ưu đãi theo nghề theo quy định tại khoản 6 Điều 8 Nghị định số 182/2026/NĐ-CP. - Đề nghị rà soát, chỉnh sửa các quy định trong Nghị định số 76/2019/NĐ-CP có sử dụng thuật ngữ “viên chức quản lý giáo dục trong các cơ sở giáo dục” thành “viên chức quản lý trong các cơ sở giáo dục”. Lý do: sử dụng thuật ngữ “viên chức quản lý trong các cơ sở giáo dục” để phù hợp, thống nhất, đảm bảo tính đồng bộ với các quy định của Luật Nhà giáo, Luật Viên chức và hệ thống văn bản quy phạm pháp luật có liên quan	
XIII	Công tác lập dự toán, chấp hành dự toán và quyết toán		
		Không đề nghị sửa đổi, bổ sung	
XIV	Nguồn kinh phí thực hiện và trách nhiệm chi trả		
	Viện Kiểm sát nhân dân tối cao	Đề nghị Bộ Nội vụ và các cơ quan có thẩm quyền xem xét nguồn kinh phí chi các chế độ theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP cho người lao động được nhà nước bảo đảm cấp riêng ngoài quỹ chi thường xuyên của cơ quan, đơn vị.	Bộ Nội vụ đề nghị giữ nguyên quy định hiện hành (Điều 15 Nghị định số 76/2019/NĐ-CP), cụ thể: Nguồn kinh phí và cơ chế tài chính đối với từng loại hình đơn vị sự nghiệp công lập đã được quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ).
	Tỉnh Lâm Đồng, Bộ Quốc phòng	Dự thảo Nghị định đã sửa đổi, bổ sung đối tượng áp dụng là người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập. Tuy nhiên, dự thảo Nghị định chưa sửa đổi, bổ sung quy định về nguồn kinh phí thực hiện chính sách tại Điều 15 Nghị định số 76/2019/NĐ-CP. Trong khi đó, tại Điều 12 Nghị định số 111/2022/NĐ-CP quy định nguồn kinh phí thực hiện hợp đồng lao động khác nhau đối với từng loại hình cơ quan, đơn vị (cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, tự bảo đảm một phần chi thường xuyên hoặc do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên). Kính đề nghị Bộ Nội vụ xem xét, bổ sung dự thảo Nghị định quy định rõ nguồn kinh phí đối với từng loại hình cơ quan, đơn vị thì kinh phí thực hiện chính sách được bảo đảm từ nguồn ngân sách nhà nước cấp bổ sung, nguồn kinh phí giao tự chủ, nguồn thu hợp pháp của cơ quan, đơn vị để bảo đảm thống nhất trong tổ chức thực hiện, tránh phát sinh vướng mắc trong quá trình lập dự toán, phân bổ và quyết toán ngân sách.	

STT	CHỦ THỂ (góp ý)	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Đề nghị sửa đổi, bổ sung tại điểm b và điểm c Điều 15 Nghị định số 76/2019/NĐ-CP để làm rõ trách nhiệm chi trả của các cơ quan, đơn vị.	
XV	Hiệu lực thi hành		
	Thanh Tra Chính phủ	Đề nghị bổ sung quy định trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/2026 đến ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.	Bộ Nội vụ tiếp thu ý kiến đề rà soát, nghiên cứu hoàn chỉnh về hiệu lực thi hành, bảo đảm chính sách được thực hiện liên tục, không bị đứt đoạn, không bị khoảng trống pháp luật (Điều khoản thi hành của dự thảo Nghị định sẽ quy định cụ thể hiệu lực áp dụng).
	Tỉnh Thanh Hóa	Tại khoản 2 Điều 2 của dự thảo Nghị định đề nghị bổ sung ý như sau: “Trong trường hợp đến ngày 01/01/2026, danh sách xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 chưa được công bố thì tiếp tục tạm thời áp dụng danh sách xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 đã được công nhận. Thời gian áp dụng không quá ngày 31 tháng 3 năm 2026” Lý do: Tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16/10/2025 của Chính phủ quy định: “Trong trường hợp đến ngày 01 tháng 01 năm 2026 danh sách thôn, xã, tỉnh theo quy định tại Nghị định này chưa được công bố thì tiếp tục tạm thời áp dụng danh sách hiện hành ban hành theo Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ. Thời gian áp dụng không quá 31/3/2026”.	
XVI	Trách nhiệm thi hành		
	Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội	Đề nghị nghiên cứu bổ sung trách nhiệm phối hợp giữa Bộ Nội vụ với Bộ Tài chính, Bộ Dân tộc và Tôn giáo và các địa phương nhằm bảo đảm việc xác định địa bàn, đối tượng và kinh phí thực hiện chính sách được thống nhất, kịp thời.	Bộ Nội vụ giải trình như sau: Tại khoản 1 Điều 6 dự thảo Nghị định đã bổ sung quy định “Bộ Nội vụ hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi các Bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
	Tỉnh Nghệ An	Đề nghị nghiên cứu bổ sung trách nhiệm phối hợp của Bộ Dân tộc và Tôn giáo trong việc cung cấp, cập nhật danh mục xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn và giải quyết các nội dung liên quan đến xác định địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi làm căn cứ thực hiện chính sách theo Nghị định.	

STT	CHỦ THỂ (góp ý)	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Tỉnh Nghệ An	Đề nghị nghiên cứu mở rộng phạm vi hướng dẫn hoặc có văn bản hướng dẫn riêng đối với các trường hợp đã được cơ quan có thẩm quyền điều động, luân chuyển, biệt phái trong giai đoạn chuyển tiếp nhưng đến thời điểm Nghị định có hiệu lực vẫn chưa được giải quyết chế độ, chính sách nhằm bảo đảm thống nhất trong tổ chức thực hiện giữa các địa phương	tổ chức thực hiện Nghị định số 76/2019/NĐ-CP và Nghị định này”. Trường hợp còn khó khăn, vướng mắc thì Bộ Nội vụ sẽ chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và Bộ Dân tộc và Tôn giáo hướng dẫn nghiệp vụ quy định tại khoản 1 Điều 6 dự thảo Nghị định.
	Tỉnh Phú Thọ	Đề nghị Bộ Nội vụ sớm ban hành Thông tư hướng dẫn Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ để bảo đảm việc thực hiện chính sách thống nhất trên phạm vi cả nước và kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc ở địa phương.	
	Tỉnh Cao Bằng	Trong quá trình triển khai, thực hiện chính sách theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Cao Bằng còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc do đó đề nghị Bộ Nội vụ có văn bản hướng dẫn chung cho các địa phương để triển khai thực hiện chính sách đồng bộ, thống nhất, đảm bảo quy định.	